

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ GIÁM HỘ

NGUYỄN TRẦN KIẾNG

UBND phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN TUYẾT MAI

Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 Thành phố Hồ Chí Minh,  
Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 15/12/2025. Sửa chữa xong 05/01/2026. Duyệt đăng 17/01/2026.

## Abstract

Guardianship is an important institution in Vietnamese civil law, established to ensure the lawful rights and interests of vulnerable subjects in society. Within the scope of this article, the author clarifies the concept, characteristics, and significance of guardianship; on that basis, the article analyzes the provisions of current Vietnamese civil law on guardianship, including guardians, wards, and the forms of guardianship as prescribed by law.

**Keywords:** Guardianship; Guardian; Ward; Forms of guardianship; Vietnamese civil law

## 1. Đặt vấn đề

Những quy định về chế định giám hộ trong Bộ luật dân sự đã phần nào đáp ứng đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn cuộc sống, góp phần không nhỏ trong việc tạo lập một định chế pháp lý thống nhất, giải quyết hiệu quả những nhu cầu bức thiết trong nhân dân liên quan đến việc giám hộ. Việc nghiên cứu cơ sở lý luận và quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về giám hộ giúp đưa ra cái nhìn tổng quát và cơ bản nhất nhằm giúp mọi người hiểu rõ hơn quy định của pháp luật về giám hộ.

## 2. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của giám hộ

### 2.1. Khái niệm giám hộ

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Giám hộ là việc cá nhân, pháp nhân được luật quy định, được Ủy ban nhân dân cấp xã cử, được Tòa án chỉ định hoặc được quy định tại khoản 2 Điều 48 của Bộ luật này (sau đây gọi chung là người giám hộ) để thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (sau đây gọi chung là người được giám hộ)”<sup>1</sup>. “Trường hợp người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ lựa chọn người giám hộ cho mình thì khi họ ở tình trạng cần được giám hộ, cá nhân, pháp nhân được lựa chọn là người giám hộ nếu người này đồng ý”<sup>2</sup>. Quan hệ giám hộ muốn hướng đến việc “chăm sóc, bảo vệ tốt nhất” cho người được giám hộ. Quan hệ giám hộ là quan hệ giữa người giám hộ với người được giám hộ, bản chất là quan hệ đại diện, theo đó người giám hộ sẽ nhân danh, thay mặt người được giám hộ để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Quan hệ giám hộ được pháp luật quy định và các bên không thỏa thuận để hình thành quan hệ này cho mình. Tức là, các trường hợp cần người giám hộ phải là các trường hợp mà luật quy định. Các chủ thể nếu không rơi vào các trường hợp này sẽ không được cử người giám hộ hoặc chọn người giám hộ cho mình.

### 2.2. Đặc điểm của giám hộ

Giám hộ là quan hệ pháp luật dân sự được xác lập giữa người giám hộ và người được giám hộ, mang bản chất của quan hệ đại diện nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được giám hộ.

1) Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 46

2) Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 48

Email: [Nguyentrankieng2603@gmail.com](mailto:Nguyentrankieng2603@gmail.com)

Giám hộ được thực hiện trên nguyên tắc một người giám hộ có thể giám hộ cho nhiều người được giám hộ, nhưng mỗi người được giám hộ chỉ được một người giám hộ, trừ trường hợp cha, mẹ cùng giám hộ cho con hoặc ông, bà cùng giám hộ cho cháu.

Giám hộ hình thành trên cơ sở đương nhiên hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp không có người giám hộ đương nhiên hoặc phát sinh tranh chấp.

### **2.3. Ý nghĩa của giám hộ**

Chế định giám hộ là cơ sở pháp lý nhằm công nhận, tôn trọng, bảo vệ và đảm bảo quyền con người, quyền công dân về dân sự của người không có hoặc chưa đầy đủ năng lực hành vi. Đồng thời bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật dân sự.

Chế định giám hộ góp phần nâng cao trách nhiệm của người giám hộ, tạo điều kiện để người được giám hộ thực hiện các quyền dân sự của mình trên thực tế, đảm bảo sự bình đẳng giữa các công dân trong xã hội.

## **3. Quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về chế định giám hộ**

### **3.1. Người giám hộ**

Theo quy định của pháp luật thì người giám hộ *“là cá nhân hoặc pháp nhân”*<sup>3</sup> và hai chủ thể này phải đáp ứng được các điều kiện do pháp luật quy định. Điều kiện để cá nhân, pháp nhân tham gia vào quan hệ pháp luật được xác định thông qua năng lực chủ thể, bao gồm năng lực pháp luật và năng lực hành vi pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Cá nhân, pháp nhân có đủ điều kiện quy định tại Bộ luật này được làm người giám hộ”*<sup>4</sup>.

Đối với cá nhân phải đáp ứng tất cả các điều kiện như sau:

*“1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.*

*2. Có tư cách đạo đức tốt và các điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.*

*3. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người khác.*

*4. Không phải là người bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con chưa thành niên”*<sup>5</sup>

Cha, mẹ không phân biệt là cha, mẹ ruột hay cha, mẹ nuôi hợp pháp của người chưa thành niên, nếu họ bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền thì vẫn không đủ điều kiện trở thành người giám hộ.

Tương tự như cá nhân, để phát sinh tư cách người giám hộ thì pháp nhân phải đáp ứng tất cả các điều kiện như sau:

*“1. Có năng lực pháp luật dân sự phù hợp với việc giám hộ.*

*2. Có điều kiện cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.”*<sup>6</sup>

Năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân trong việc giám hộ là khả năng của pháp nhân đó có các quyền, nghĩa vụ dân sự, không bị hạn chế, phù hợp với việc chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ.

Hơn nữa, nhiệm vụ, chức năng của pháp nhân phù hợp với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người giám hộ, đồng thời pháp nhân phải có các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực cần thiết để đảm bảo việc giám hộ được thực hiện hiệu quả.

Khoản 2 Điều 48 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ được lựa chọn người giám hộ cho mình. Theo đó, khi cá nhân rơi vào tình trạng cần được giám hộ, cá nhân hoặc pháp nhân được lựa chọn sẽ trở thành người giám hộ nếu có sự đồng ý. Việc lựa chọn người giám hộ phải được lập thành văn bản có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, pháp luật cho phép một cá nhân hoặc pháp nhân có thể giám hộ cho nhiều người, miễn là đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định và bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

3) Khoản 1 Điều 48 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“1. Cá nhân, pháp nhân có đủ điều kiện quy định tại Bộ luật này được làm người giám hộ”*.

4) Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 48

5) Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 49

6) Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 50

### 3.2. Người được giám hộ

Theo quy định thì: “1. Người được giám hộ bao gồm:

a) Người chưa thành niên không còn cha, mẹ hoặc không xác định được cha, mẹ;

b) Người chưa thành niên có cha, mẹ nhưng cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự; cha, mẹ đều có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; cha, mẹ đều bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; cha, mẹ đều bị Tòa án tuyên bố hạn chế quyền đối với con; cha, mẹ đều không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con và có yêu cầu người giám hộ;

c) Người mất năng lực hành vi dân sự;

d) Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi”<sup>7</sup>.

“Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi”<sup>8</sup>. Quy định về độ tuổi này đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các cơ chế pháp lý nhằm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục người chưa thành niên.

Yếu tố “không còn cha, mẹ” là trường hợp những người đã từng có cha mẹ nhưng hiện tại đã mất cả cha lẫn mẹ, hiện đang không còn có cha mẹ để chăm sóc và bảo vệ quyền lợi của mình. Những người trong tình trạng này thường gặp khó khăn trong việc tìm kiếm sự hỗ trợ và chăm sóc cần thiết, vì họ không còn sự chăm sóc trực tiếp từ cha mẹ.

“Không xác định được cha, mẹ” là những người không biết chính xác ai là cha mẹ, không có thông tin rõ ràng về cha mẹ. Điều này có thể là do một số lý do như: Họ có thể không có bất kỳ thông tin nào về cha mẹ của mình, dẫn đến việc không xác định được danh tính của cha mẹ. Có thể biết ai là cha mẹ của mình nhưng chưa được pháp luật công nhận chính thức. Điều này có thể xảy ra khi quan hệ cha mẹ - con chưa được hợp pháp hóa, hoặc khi các quyền và nghĩa vụ pháp lý của cha mẹ chưa được xác nhận.

“Người mất năng lực hành vi dân sự” được hiểu là người đã từng có năng lực hành vi dân sự nhưng vì một lý do nào đó mà năng lực hành vi dân sự của họ không còn nữa Theo quy định nêu trên thì người mất năng lực hành vi dân sự phải đáp ứng hai yếu tố chính, đó là:

- Yếu tố bệnh lý: Người đó mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh lý khác làm ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và kiểm soát hành vi của mình.

- Yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức: Bệnh lý dẫn đến việc người đó không còn khả năng nhận thức và kiểm soát hành vi của mình một cách bình thường.

Để được công nhận là người mất năng lực hành vi dân sự, không đủ khả năng tự thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân thì bản thân người đó phải được cơ quan Tòa án có thẩm quyền căn cứ vào kết luận giám định pháp y tâm thần ra quyết định công nhận người đó là người mất năng lực hành vi dân sự.

“Hạn chế năng lực hành vi dân sự” áp dụng cho các cá nhân có hành vi nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác, dẫn đến việc họ phá hoại tài sản của gia đình. Để tuyên bố một người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, cần phải có các điều kiện sau:

- Nghiện ma túy hoặc chất kích thích: Người nghiện ma túy là những người lệ thuộc vào các chất gây nghiện và hướng thần được liệt kê trong danh mục của Chính phủ hoặc các chất kích thích khác không nằm trong danh mục ma túy, nhưng nếu gây ra tình trạng nghiện và ảnh hưởng xấu đến hành vi

- Hành vi phá hoại tài sản: Hành động phá hủy hoặc làm hỏng tài sản một cách có chủ ý hoặc chi tiêu lãng phí là dấu hiệu của việc không kiểm soát được hành vi, do ảnh hưởng của việc nghiện, những hành vi phá hoại này không có lợi ích thiết thực cho gia đình.

“Khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” là tình trạng khi một người có vấn đề về thể chất hoặc tinh thần làm giảm khả năng nhận thức và kiểm soát hành vi của mình, nhưng chưa đến mức mất hoàn toàn năng lực hành vi dân sự. Để được công nhận là người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, cần có các điều kiện như sau:

- Người bị ảnh hưởng bởi các vấn đề về sức khỏe thể chất (như người cao tuổi, người khuyết tật) hoặc tinh thần (như rối loạn tâm thần nhẹ, bệnh di truyền) có thể gặp khó khăn trong việc nhận thức và làm chủ hành vi.

7) Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 47

8) Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 21

- Khả năng nhận thức và làm chủ hành vi bị giảm sút, người đó vẫn còn một phần khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình.

Mất năng lực hành vi dân sự được hiểu là khi một cá nhân hoàn toàn không còn khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình. Điều này đồng nghĩa với việc họ không thể thực hiện các giao dịch dân sự một cách độc lập. Khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi là khi người đó vẫn còn một phần khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, nhưng không đủ để thực hiện giao dịch dân sự một cách bình thường. Như vậy có thể thấy giữa sự mất năng lực hành vi dân sự và sự khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi thì về năng lực hành vi của cá nhân có sự khác biệt tương ứng giữa “mất hoàn toàn” và “không đủ”.

Trong các quy định pháp luật nêu trên, các khái niệm như “mất năng lực hành vi dân sự” và “hạn chế năng lực hành vi dân sự” chỉ được định nghĩa một cách tổng quát mà không phân biệt giữa người thành niên và chưa thành niên. Điều này có nghĩa là cả người đã trưởng thành (thành niên) và người chưa trưởng thành (chưa thành niên) đều có thể gặp phải tình trạng này. Trong khi đó, “người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” thì chủ thể được xác định phải là người thành niên, nghĩa là tình trạng có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi không rơi vào trường hợp người chưa thành niên.

Dù là người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, hay người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì tất cả các đối tượng này đều cần có người giám hộ theo quy định pháp luật. Điều này là vì những người này không thể tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong các giao dịch dân sự, cũng như không thể tự bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của mình trong các quan hệ pháp luật dân sự được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự năm 2015 nhằm bảo đảm quyền bình đẳng và bảo vệ các đối tượng dễ bị tổn thương.

#### **4. Các hình thức giám hộ theo quy định của pháp luật**

##### **4.1. Giám hộ đương nhiên.**

Giám hộ đương nhiên được áp dụng trong các trường hợp do pháp luật quy định và được xác lập trên cơ sở quan hệ hôn nhân, huyết thống giữa người giám hộ và người được giám hộ. Giám hộ đương nhiên bao gồm giám hộ đương nhiên đối với người chưa thành niên và giám hộ đương nhiên đối với người mất năng lực hành vi dân sự.

Đối với người chưa thành niên không còn cả cha và mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con và có yêu cầu, người giám hộ đương nhiên được xác định theo thứ tự sau:

- Trong trường hợp anh ruột, chị ruột không có thỏa thuận khác thì anh cả hoặc chị cả là người giám hộ; nếu anh cả hoặc chị cả không có đủ điều kiện thì anh, chị tiếp theo là người giám hộ;

- Trong trường hợp không có anh ruột, chị ruột hoặc những người này không đủ điều kiện làm người giám hộ thì ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại là người giám hộ; nếu không có ai trong số những người thân thích này đủ điều kiện thì bác, chú, cậu, cô, dì là người giám hộ

Đối với người mất năng lực hành vi dân sự, trong trường hợp người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ không lựa chọn người giám hộ cho mình, người giám hộ đương nhiên được xác định như sau:

- Trường hợp vợ là người mất năng lực hành vi dân sự thì chồng là người giám hộ; nếu chồng là người mất năng lực hành vi dân sự thì vợ là người giám hộ.

- Trường hợp cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự hoặc một người mất năng lực hành vi dân sự, còn người kia không đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con cả là người giám hộ; nếu người con cả không đủ điều kiện thì người con tiếp theo có đủ điều kiện là người giám hộ.

- Trường hợp người thành niên mất năng lực hành vi dân sự chưa có vợ, chồng, con hoặc có nhưng những người này đều không đủ điều kiện làm người giám hộ thì cha, mẹ là người giám hộ.

Như vậy, người giám hộ đương nhiên chỉ có thể là cá nhân và được xác định trên cơ sở quan hệ hôn nhân, huyết thống với người được giám hộ.

## 4.2. Giám hộ được cử

Giám hộ được cử được áp dụng trong trường hợp người chưa thành niên hoặc người mất năng lực hành vi dân sự không có người giám hộ đương nhiên. Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ có trách nhiệm cử người giám hộ. Việc cử người giám hộ phải được sự đồng ý của người được cử làm người giám hộ và phải được lập thành văn bản, trong đó ghi rõ lý do cử người giám hộ, quyền, nghĩa vụ cụ thể của người giám hộ cũng như tình trạng tài sản của người được giám hộ.

## 4.3. Giám hộ chỉ định

Giám hộ chỉ định được áp dụng trong “Trường hợp có tranh chấp thuộc trường hợp giám hộ người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự này giữa những người giám hộ hoặc tranh chấp về việc cử người giám hộ thì Tòa án chỉ định người giám hộ<sup>9</sup>”. Khi đó, Tòa án có thẩm quyền sẽ chỉ định người giám hộ theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp cử hoặc chỉ định người giám hộ cho người chưa thành niên từ đủ sáu tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của người này. Việc cử hoặc chỉ định người giám hộ phải được sự đồng ý của người được cử làm người giám hộ. Việc cử, chỉ định người giám hộ phải được lập thành văn bản, trong đó ghi rõ lý do cử, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ, cũng như tình trạng tài sản của người được giám hộ. Đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người giám hộ do Tòa án chỉ định trong số những người giám hộ theo quy định của pháp luật. Trường hợp không có người giám hộ theo quy định, Tòa án có thể chỉ định người giám hộ hoặc đề nghị một pháp nhân thực hiện việc giám hộ.

Như vậy, giám hộ được cử, chỉ định là hình thức cử người giám hộ theo trình tự do pháp luật quy định, theo đó cá nhân, pháp nhân đều có thể trở thành người giám hộ được cử. Pháp luật không quy định cụ thể các cơ quan, tổ chức được thực hiện việc giám hộ, do vậy bất cứ cơ quan, tổ chức hợp pháp nào đáp ứng các điều kiện về giám hộ thì cũng đều có thể là người giám hộ.

## 5. Kết luận

Giám hộ là một trong những quyền cơ bản của quyền con người, quyền công dân được Nhà nước công nhận và bảo hộ, đặc biệt là các đối tượng yếu thế trong xã hội như người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Việc hiểu rõ các quy định pháp luật về người giám hộ, người được giám hộ, cũng như là các hình thức giám hộ là cơ sở pháp lý để xác định, thay đổi hoặc chấm dứt quyền giám hộ trong các trường hợp cụ thể, đảm bảo bảo vệ quyền lợi của người được giám hộ, bên cạnh đó còn duy trì trật tự xã hội, đảm bảo rằng những người không có khả năng tự quyết định được bảo vệ và chăm sóc đúng cách. Tiếp theo là cơ sở để giải quyết khi có tranh chấp liên quan đến việc giám hộ xảy ra.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2005), Bộ luật Dân sự, Luật số: 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.
- [2] Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự, Luật số: 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- [3] Quốc hội (2014), Luật Hôn nhân và gia đình, Luật số: 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014.
- [4] Quốc hội (2014), Luật Hộ tịch, Luật số: 60/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014.
- [5] Quốc hội (2021), Luật Phòng, chống ma túy, Luật số: 73/2021/QH14 ngày 30 tháng 3 năm 2021.
- [6] Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn (2019). *Giáo trình Luật Dân sự (tập 1)*, NXB Công an nhân dân, Trường Đại học Luật Hà Nội.
- [7] Đỗ Văn Đại, Nguyễn Thanh Thư (2011), *Vấn đề bảo hộ người mất năng lực hành vi dân sự*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 05.
- [8] Trần Tuấn Vũ (2017), *Những điểm mới của chế định pháp nhân trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và một số vấn đề liên quan*, Tạp chí khoa học pháp lý, số 01(104).
- [9] Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2023/QĐDS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Tòa án dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

9) Bộ luật Dân sự năm 2015, đoạn 2 khoản 1 Điều 54